**Use Case “Đăng Nhập”**

1. **Use case code**
2. **Brief Description**

Người dùng đăng nhập vào ứng dụng để sử dụng dịch vụ từ ứng dụng

1. **Actors** 
   1. Guest
2. **Preconditions**

**None**

1. **Basic Flow of Events** 
   1. Người dùng chọn đăng nhập
   2. Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập gồm: Email, mật khẩu
   3. Người dùng nhập tài khoản và mật khẩu
   4. Người dùng ấn đăng nhập
   5. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập
   6. Người dùng đăng nhập thành công

# Alternative flows

*Table N-Alternative flows of events for UC Place order*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Location** | **Condition** | **Alternative flow** | **Resume location** |
| 1. | 5.5 | Nếu thông tin đăng nhập bị sai | Hệ thống thông báo đăng nhập thất bại | Quay lại bước 5.3 |

# Input data

*Table A-Input data of …*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Data fields** | **Description** | **Mandatory** | **Valid condition** | **Example** |
| 1. | Email | Email của người dùng đã đăng ký tài khoản | Có | Đúng theo định dạng email | example@gmail.com |
| 2 | Mật khẩu | Mật khẩu của tài khoản | Có | Là chữ, số ít nhất 6 ký tự | 12345b |

# Output data

# Postconditions

Hệ thống hiển thị trảng chủ